

Số:113 /BC-MNDB

Diễn Bích, ngày 28 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON- NĂM HỌC 2024-2025
(Theo Thông tư 09/TT-BGD&ĐT, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Diễn Bích.

2. **Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Quyết thành xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, địa chỉ thư điện tử mndienbich.dc@nghean.edu.vn , cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử). Feacboock Trường MN Diễn Bích.

3. **Loại hình của cơ sở giáo dục;**

Trường hạng I, trường công lập tự chủ một phần kinh phí. UBND huyện Diễn Châu quản lý và trực thuộc Phòng GD&ĐT Diễn Châu.

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

* **Sứ mạng:** Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng, khám phá, trải nghiệm. Xây dựng môi trường giáo dục An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, truyền cảm hứng, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao, với phương châm "Cháu mạnh khỏe vui vẻ - Cô hạnh phúc – phụ huynh yên lòng".

* **Tầm nhìn:** Từ năm 2025 đến 2030 nhà trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2. Xây dựng lớp tiên tiến.

* **Mục tiêu:** Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả mong đợi theo VBHN số 01, trẻ có tính độc lập-sự tự tin-tính kỷ luật-sự tôn trọng-tinh thần hợp tác chia sẻ-tinh yêu thương nhân ái.

5. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Trường Mầm non Diễn Bích được thành lập năm 1996. Năm 2011, được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí theo Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/1/2011 của UBND huyện Diễn Châu. Trường mầm non Diễn Bích có 1 điểm đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm quyết thành, xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường có tổng diện tích 3,000 m², Có 2 dãy nhà kiên cố 10 phòng học ,có 3 phòng học bán kiên cố học nhờ học tạm nhà văn hóa hải trung và hải bắc, tổng số 13,các phòng chức năng và phòng quản trị hành chính đang xây dựng hoàn thành vào tháng 5/2025 gồm các phòng sau : gồm 01phòng chức năng, hỗ trợ 1 phòng âm nhạc, và có 8 phòng hành chính, hỗ trợ (1 HT, 1 PHT, 1 VP, 1 y tế, 1

hành chính, 1 nhà bảo vệ, 1 khu để xe, 1 khu vệ sinh ghép), có 1 bếp nấu, có cổng, hàng rào đảm bảo quy chuẩn. Trường đang trong giai đoạn làm chuẩn quốc gia mức độ I và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 dự kiến hoàn thành năm 2025.; Trường có một số về thành tích đạt tập thể LĐTT, Chi bộ đạt vững mạnh, , công đoàn HTTNV. HTXSNV

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

Người đại diện pháp luật: Trần Thị Luyên – Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0366392019; luyenthanh71@gmail.com.

Người đại diện liên hệ: Cao Thị Nhung – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0978890260; nhungmndb@gmail.com.

Người đại diện liên hệ: Nguyễn Thị Kim Liên – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0975385558; Thieulien83@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường, có chi bộ, tổ chức công đoàn, tổ chuyên môn, các hội đồng khác, có ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường; chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 11/11/2023 của UBND huyện Diên Châu, Về việc công nhận kiện toàn Hội đồng trường các trường THCS, tiểu học, mầm non năm học 2023-2024 - nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện Diên Châu, Về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường các trường THCS, tiểu học, mầm non - nhiệm kỳ 2020-2025;

và danh sách thành viên hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 (năm học 2024-2025);

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Chức danh hội đồng
1.	Trần Thị Luyên	16/10/1971	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Cao Thị Nhung	16/11/1990	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3.	Nguyễn Thị Kim Liên	12/11/1983	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4.	Đậu Thị Vân	20/3/1984	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
5.	Đậu Thị Thương	10/8/1985	Kế toán	Thành viên
6.	Lê Thị Thu Thảo	19/5/1987	Tổ trưởng CM	Thư ký
7.	Võ Thị Thủy	02/03/1985	Tổ trưởng CM	Thành viên
8.	Nguyễn Văn Liên	14/5/1972	PCT UBND xã	Thành viên
9.	Thái Bá Hùng	12/1/1966	Ban ĐDCMMHS	Thành viên

Danh sách này gồm có 09 người./.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học (bà Trần Thị Luyên - Hiệu trưởng);

Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND huyện Diên Châu về việc luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Cao Thị Nhung - PHT);

Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Nguyễn Thị Kim Liên - PHT);

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

đ) Quyết định thành lập trường

Quyết định số: 191/QĐ-UBND ngày 30/8/1996 của UBND huyện Diên Châu về việc thành lập trường Mầm non.

Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/1/1910 của UBND huyện Diên Châu về việc chuyển đổi loại hình trường mầm non.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Bà: Trần Thị Luyên – Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0366392019; luienthanh71@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

Bà: Cao Thị Nhung – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0978890260; nhungmndb@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

Bà: Nguyễn Thị Kim Liên – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0975385558; Thieulien83@gmail.com (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có bảng mã hóa minh chứng kèm theo).

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 38 người trong đó biên chế: 27 người ; hợp đồng 11 người

- Cán bộ quản lý: 03 Hiệu trưởng; 1; PHT: 02

- Giáo viên: 23;

- Nhân viên: 12; Biên chế: 01 (Kế toán); hợp đồng trường 1: Nấu ăn: 8; Văn phòng kiểm y tế: 01; Bảo vệ: 01

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Năm học 2024- 2025	Tổng số	Trình độ Đại học	Trình độ Cao đẳng	Trình độ Trung cấp	GVMN hạng II	GVMN hạng III
CBQL	03	03	-	-	03	-
GV	23	14	9	0	10	17
NV	12	01	Chứng chỉ nấu ăn			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tổng diện tích đất sử dụng hiện tại: 3,000 m²; Diện tích bình quân/học sinh: 7.5 m²/trẻ, so với yêu cầu tối thiểu quy định 12m²/trẻ (Chưa đủ)

2. Toàn trường có 13 phòng, 01 phòng âm nhạc, 01 bếp, 01 văn phòng, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng y tế, 01 phòng nhân viên, 01 phòng bảo vệ,

TT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
I	Phòng học	13	
II	Phòng chức năng	02	
	Phòng đa năng	0	Đang xây dựng
	Phòng âm nhạc	0	Đang xây dựng
	Bếp 1 chiều	01	Bếp tạm
III	Khối phòng phụ trợ		
	Phòng Hiệu trưởng	01	Đang xây dựng
	Phòng Phó hiệu trưởng	01	Đang xây dựng
	Phòng họp	01	Đang xây dựng
	Hành chính quản trị	01	Đang xây dựng
	Phòng nhân viên	01	Đang xây dựng
	Phòng Y tế	01	Đang xây dựng
	Phòng bảo vệ	01	Đang xây dựng
IV	Phòng khác		
	Nhà xe	01	
	Nhà vệ sinh CBGVNV	01	Đang xây dựng
	Cổng trường	01	Đang xây dựng
	Bờ bao	01	Đang xây dựng
V	Sân chơi – thiết bị đồ chơi		
	Sân chung toàn trường	01	Đang quy hoạch
	Sân bóng đá trẻ	0	
	Vườn trường	0	

	Đồ chơi ngoài trời	05	
VI	Thiết bị và công nghệ		
	Đàn	10	
	Loa máy	02	
	Máy tính	5	
	Đồ dùng thiết bị các nhóm lớp	07	
	Tivi	13	
	Tủ lạnh	01	
	Đường truyền Internet	01	
	Thiết bị nhà bếp		
	Đồ dùng thiết bị các nhóm, lớp đủ theo quy định.	13	

Đồ chơi thiết bị dạy học theo VBHN số 01 đủ 07/13 nhóm lớp; Tivi, bàn, ghế học sinh, phấn ngu, đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy họcđảm bảo thực hiện tốt theo Chương trình GDMN.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

TT	Mốc thời gian, năm học	Số quyết định, văn bản công nhận	
		Kiểm định chất lượng GD	Đạt trường chuẩn quốc gia
2	2025-2026	Cấp độ 2 (dự kiến)	Mức độ 1 (dự kiến)
4			

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

- 100% trẻ ăn bán trú tại trường, mức ăn 20,000 đ/trẻ/ngày; chất lượng bữa ăn của trẻ được nâng lên, luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối về VSATTP;

- 100% trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ 3 lần/năm; khám sức khỏe 1 lần/năm.số trẻ khám 409/409 đạt 100%

* Kết quả về nuôi dưỡng

- Về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng :

+ Đầu năm trẻ SDD nhẹ cân: 9%,cuối năm 1% giảm so đầu năm 8%

+ Đầu năm trẻ thấp còi : 8,8%,cuối năm 4,1% giảm so đầu năm 4,7%

+ Đầu năm trẻ béo phì : 4,3%,cuối năm 1,9% giảm so đầu năm 2,4%

+ Vượt kế hoạch so đầu năm

TT	Mục tiêu lĩnh vực phát triển	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Lĩnh vực phát triển thể chất	96,4%	98,2%
2	Lĩnh vực phát triển nhận thức	92,9%	97,6%
3	Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	96,4%	96,9%

4	Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		95,8%
5	Lĩnh vực phát triển tình cảm XH	96,4%	95%
	Kết quả chung	96%	97%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025		
		Thu	Chi	Tổng
I	Thu ngân sách	4.922.815.386	4.922.815.386	
1	Lương và các khoản theo lương	4.324.217.732	4.324.217.732	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	123.019.000	123.019.000	
3	Chi hỗ trợ người học (CĐCS)	253.840.000	253.840.000	
4	Chi khác (CM, thường xuyên)	221.738.654	221.738.654	
II	Thu học phí	360.650.000	344.998.862	15.651.138
1	Chi 40% hỗ trợ lương	144.260.000	117.080.000	27.180.000
2	Chi 60% tăng cường CSVC	216.390.000	227.918.862	(11.528.862)
III	Thu khác			
I	Thu chi phí bán trú	1.540.454.000	1.532.082.000	8.372.000
	Tiền ăn của trẻ	1.116.983.000	1.116.983.000	
	Thuê nấu ăn, chi phí tổ chức	395.595.000	387.743.000	7.852.000
	Mua sắm vật dụng, đồ dùng (cả năm)	27.876.000	27.356.000	520.000
2	Tăng cường tiếng anh	54.760.000	52.679.100	2.080.900
	Chi cho trung tâm liên kết 75%	41.754.500	41.754.500	
	Chi khác tại trường 25%	13.005.500	10.924.600	2.080.900
3	Nguồn tài trợ XHH GD	115.200.000	110.778.000	4.422.000
	Chi tăng cường CSVC	115.200.000	110.778.000	4.422.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Học phí quy định/tháng	100.000		
2	Thỏa thuận: tiền ăn/ngày	20.000		
3	Chi phí tổ chức bán trú	423.471.000		
4	Tự nguyện tài trợ	115.200.000		
5	Hội phí	Tự nguyện theo TT 55/2011 và văn bản hướng dẫn		

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Năm học	Tổng số tiền			
		Miễn, giảm học phí	Hỗ trợ tiền ăn	Chi phí học tập	Chế độ trẻ khuyết tật
1	Cả năm 2022-2023				
	Học kỳ 1	6.000.000	13.280.000	5.400.000	
	Học kỳ 2	6.500.000	15.200.000	5.250.000	
2	Cả năm 2023-2024				
	Học kỳ 1	4.800.000	12.160.000	3.000.000	
	Học kỳ 2	6.000.000	13.600.000	5.250.000	
3	Cả năm 2024-2025				

Học kỳ 1	101.200.000	10.240.000	2.400.000	113.840.000
Học kỳ 2	125.750.000	12.000.000	2.250.000	140.000.000

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c)
- Tổ CM, bộ phận.(t/h)
- Lưu HS

